

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Thi lần 2

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	QUẢN TRỊ VẬN HÀNH		
Mã học phần:	71SCMN30013	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_71SCMN30013		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75 phút
<i>Thí sinh chỉ được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có (chỉ được tham khảo tài liệu giấy)	☐ Không	

Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân biệt và diễn giải được các khái niệm căn bản của hoạt động quản trị vận hành và vai trò của hoạt động quản trị vận hành trong tổ chức	Trắc nghiệm lý thuyết	32,5%	2,5,8,10,11, 12,13,14,15,16 17,19,20	3,25đ	PI 3.3

CLO 2	Phân tích; thực hiện và đánh giá được các hoạt động liên quan đến quản trị vận hành như: dự báo cung cầu về sản phẩm trong tương lai; bố trí mặt bằng; xác định sản lượng đơn hàng tối ưu; quản lý hàng tồn kho; quản lý chất lượng sản phẩm; quản lý chuỗi cung ứng; bố trí sản xuất; quản lý dự án; quản lý theo Lean; phối hợp các nguồn lực.	Trắc nghiệm lý thuyết	17,5%	1,3,4,6,7,9,18	1,75 đ	PI 7.1
		Trắc nghiệm toán	30%	1,2,3,4,5,6	3 đ	
CLO 3	Lập kế hoạch vận hành doanh nghiệp hiệu quả.	Tự luận	20%		2đ	PI 4.3

III. Nội dung câu hỏi thi

1. TRẮC NGHIỆM LÝ THUYẾT: 5 điểm (gồm 20 câu. 0,25 điểm/câu)

1. Một công việc vận hành tại cửa hàng thức ăn nhanh là ____

- A. Lập thời gian biểu cho nhân viên
- B. Quảng cáo những thay đổi trong thực đơn cửa hàng
- C. Tính toán khoản lãi và lỗ của cửa hàng
- D. Tất cả câu trên đều đúng

ANSWER: A

2. Quyết định nào sau đây KHÔNG phải của quản trị vận hành?

- A. Phân tích tài chính
- B. Thiết kế hàng hóa và dịch vụ
- C. Lựa chọn vị trí mặt bằng
- D. Quản trị chất lượng

ANSWER: A

3. Câu nào là ví dụ cho toàn cầu hóa quản trị vận hành?

- A. Một nhà sản xuất Trung Quốc điều hành các nhà máy tại Mỹ
- B. Máy bay Boeing có động cơ với hiệu suất nhiên liệu cao hơn
- C. Café starbuck cung ứng một sự khác biệt tại cửa hàng của nó
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

ANSWER: A

4. Cắt giảm chi phí trong Quốc tế hóa nhờ vào ____

- A. Tất cả các câu được nêu trên đều đúng
- B. Chi phí nhân công thấp hơn
- C. Các quy định luật lệ ít nghiêm ngặt hơn
- D. Thuế và thuế quan thấp hơn

ANSWER: A

5. Ba loại quá trình (chiến lược) vận hành trong doanh nghiệp là ____

- A. Hướng vào quá trình, hướng vào lắp ráp và hướng vào sản phẩm
- B. Thủ công, tự động và dịch vụ

- C. Hàng hóa, dịch vụ và giống lai
- D. Mô-đun, liên tục và công nghệ

ANSWER: A

6. Phương pháp nào sau đây sử dụng dữ liệu dự báo nhu cầu quá khứ và dữ liệu nhu cầu thực tế trong quá khứ để thực hiện dự báo cho tương lai?

- A. San bằng số mũ giản đơn
- B. Bình quân di động có trọng số
- C. Ý kiến khách hàng
- D. Chỉ số mùa vụ

ANSWER: A

7. Trực giác và kinh nghiệm của người lập dự báo rất cần thiết cho phương pháp dự báo nào sau đây?

- A. Phương pháp định tính
- B. Phương pháp bình quân di động
- C. Phương pháp san bằng số mũ
- D. Phương pháp định lượng

ANSWER: A

8. Chiến lược bố trí mặt bằng liên quan đến sản xuất số lượng ít nhưng tính đa dạng của sản phẩm cao là _____

- A. Bố trí theo quy trình
- B. Bố trí bán lẻ
- C. Bố trí nhà kho
- D. Bố trí vị trí cố định

ANSWER: A

9. Cách bố trí nào quan tâm đặc biệt đến sự lưu chuyển dòng thông tin trong bố trí mặt bằng?

- A. Phòng làm việc
- B. Bố trí vị trí cố định
- C. Sản xuất gián đoạn
- D. Nhà máy tập trung

ANSWER: A

10. Hầu hết các mô hình tồn kho đều cố gắng giảm thiểu ____

- A. Tổng chi phí hàng tồn kho
- B. Số lượng các mặt hàng được đặt hàng
- C. Khả năng hết hàng
- D. Số lượng đơn đặt hàng

ANSWER: A

11. Chiến lược hoạch định tổng hợp nào sau đây là một chiến lược của hoạch định công suất?

- A. Thay đổi quy mô nhân lực (tuyển dụng/sa thải) để đáp ứng lượng cầu
- B. Tác động đến nhu cầu bằng cách thay đổi giá cả
- C. Đơn hàng chờ ở mùa cao điểm
- D. Phối hợp sản phẩm hay dịch vụ nghịch mùa

ANSWER: A

12. Theo quy ước, mức cao nhất trong một Bảng danh mục vật tư là

- A. Mức 0
- B. Mức 1
- C. Mức T
- D. Mức 10

ANSWER: A

13. _____ là thông tin đầu vào cho tính toán MRP, trong đó mô tả chi tiết các sản phẩm cụ thể nào sẽ được sản xuất, sản xuất khi nào và với số lượng bao nhiêu.

- A. Lịch sản xuất chính
- B. Lập lịch trình ngược
- C. số liệu tồn kho
- D. BOM

ANSWER: A

14. Lập lịch trình tiến là _____

- A. lập lịch biểu ngay khi biết được nhu cầu với các hoạt động bắt đầu mà không quan tâm đến hạn
- B. phù hợp khi nhà cung cấp yêu cầu ngày giao hàng chính xác
- C. chỉ tạo ra một lịch trình nếu nó đáp ứng ngày đến hạn
- D. bắt đầu bằng ngày giao hàng, sau đó xác định thời hạn của từng hoạt động một, theo thứ tự ngược từ sau đến trước

ANSWER: A

15. Ba loại định nghĩa rộng rãi về chất lượng là _____

- A. dựa trên người dùng, dựa trên sản xuất và dựa trên sản phẩm
- B. bên trong, bên ngoài và phòng ngừa
- C. chi phí thấp, đáp ứng và khác biệt hóa
- D. chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ và chất lượng tổ chức

ANSWER: A

16. Tên thương hiệu, danh tiếng của công ty là một ví dụ của đặc tính

- A. Chất lượng cảm nhận
- B. Sự đảm bảo
- C. Độ tin cậy
- D. Sự phù hợp

ANSWER: A

17. Ba giai đoạn lựa chọn nhà cung cấp, theo thứ tự, là _____

- A. Đánh giá nhà cung cấp, phát triển nhà cung cấp và đàm phán
- B. Phát triển nhà cung cấp, đánh giá nhà cung cấp và mua lại nhà cung cấp
- C. Giới thiệu, tăng trưởng và trưởng thành
- D. Đánh giá nhà cung cấp, đàm phán và phát triển nhà cung cấp

ANSWER: A

18. Việc đầu tư mua cổ phần của nhà cung cấp để góp phần chi phối hoạt động của nhà cung cấp là hình thức _____

- A. Keiretsu
- B. Hợp đồng phụ
- C. Gia công
- D. Thuê ngoài

ANSWER: A

19. Trong quản lý Lean, "thông lượng" là:

- A. Tốc độ các đơn vị di chuyển qua quá trình
- B. Số lượng sản phẩm bị lỗi
- C. Số lượng hàng tồn kho
- D. Số lượng nhà cung cấp

ANSWER: A

20. Lean được định nghĩa là:

- A. Loại bỏ lãng phí và cải tiến liên tục

- B. Tăng số lượng nhà cung cấp
- C. Tăng chi phí để nâng cao chất lượng
- D. Giảm số lượng sản phẩm bị lỗi

ANSWER: A

2. TRẮC NGHIỆM TOÁN: 3 điểm (gồm 6 câu, 0,5 điểm/câu)

1. Tại một doanh nghiệp sản xuất máy bơm, nếu 1200 máy bơm được sản xuất ra trong 1 ca làm 8 giờ thì năng suất là bao nhiêu?

- A. 150 máy/giờ
- B. 200 máy/giờ
- C. 100 máy/giờ
- D. 250 máy/giờ

ANSWER: A

2. Trong bài toán bố trí mặt bằng theo sản phẩm, mỗi ngày xưởng sản xuất trong thời gian 480. Lịch trình yêu cầu sản xuất 60 sản phẩm mỗi ngày. Mỗi đơn vị sản phẩm cần 40 phút làm việc. Số lượng máy trạm tối thiểu theo lý thuyết là bao nhiêu?

- A. 5 máy trạm
- B. 3 máy trạm
- C. 2 máy trạm
- D. 4 máy trạm

ANSWER: A

3. Theo phương pháp san bằng số mũ giản đơn, với hệ số san bằng nào sau đây thì dự báo nhu cầu của thời kỳ tiếp theo ($t+1$) bằng đúng nhu cầu thực tế của thời kỳ trước đó (t)

- A. 1
- B. 0
- C. 0.5
- D. 2

ANSWER: A

4. Trong mô hình EOQ cơ bản, nếu $D = 4000$ mỗi năm, $S = 50$ \$, $H = 5$ \$ cho mỗi đơn vị mỗi năm, thì lượng đặt hàng kinh tế là khoảng _____

- A. 283
- B. 352
- C. 250
- D. 275

ANSWER: A

5. Sản phẩm A được lắp ráp bởi chi tiết B và chi tiết C; Chi tiết C được tạo ra bởi chi tiết D. Thời gian để lắp ráp A là 3 tuần. Thời gian sản xuất B là 4 tuần. Thời gian sản xuất C là 3 tuần. Thời gian sản xuất D là 2 tuần. Tổng thời gian sản xuất/lắp ráp tích lũy cho A là:

- A. 8 tuần
- B. 6 tuần
- C. 5 tuần
- D. 10 tuần

ANSWER: A

6. Hãy dùng nguyên tắc JOHNSON để xác định thứ tự các công việc phải được thực hiện trên hai máy với dữ liệu dưới đây:

CÔNG VIỆC	MÁY 1	MÁY 2
A	8	12
B	5	7
C	12	9
D	10	13
E	11	6

A. Thứ tự lần lượt là: $B \rightarrow A \rightarrow D \rightarrow C \rightarrow E$

B. Thứ tự lần lượt là: $A \rightarrow B \rightarrow E \rightarrow D \rightarrow C$

C. Thứ tự lần lượt là: $B \rightarrow A \rightarrow E \rightarrow C \rightarrow D$

D. Thứ tự lần lượt là: $A \rightarrow B \rightarrow D \rightarrow C \rightarrow E$

ANSWER: A

3. TỰ LUẬN: 2 điểm (gồm 1 câu)

Công ty Vinh Phát có nhu cầu thực tế về sản phẩm X được cho ở bảng dưới đây.

Tháng	7	8	9	10	11
Nhu cầu thực tế	250	254	260	275	280

Giả sử:

- Qua tính toán ta thấy hệ số san bằng $\alpha = 0,8$ cho kết quả chính xác nhất.
- Dự báo nhu cầu tháng 7 là 255

Anh/chị hãy sử dụng phương pháp san bằng số mũ để dự báo nhu cầu về sản phẩm X từ tháng 8 đến tháng 12

(Chú ý: cần trình bày đầy đủ và cụ thể việc tính toán)

ĐÁP ÁN PHẦN TRẮC NGHIỆM- TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8,0 điểm	
1. Trắc nghiệm lý thuyết		5,0 điểm	
Câu 1 đến câu 20	A	0,25đ x20 câu	
2. Trắc nghiệm toán		3,0 điểm	
Câu 1 đến câu 6	A	0,5đx6 câu	
II. Tự luận		2 điểm	
	Đáp án $F_8=255+0,8(250-255)= 251$ $F_9=251+0,8(254-251)=253,4$ $F_{10}=253,4+0,8(260-253,4)=258,68$ $F_{11}=258,68+0,8(275-258,68)=271,736$ $F_{12}=271,736+0,8(280-271,736)=278,347$	0,4 đ 0,4 đ 0,4 đ 0,4 đ 0,4 đ	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2024
Giảng viên ra đề



TS. Đỗ Thành Lưu

TS. Nguyễn Lan Hương